

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2018/DS-ST
Ngày 08-10-2018
V/v Kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tiến Quân

2. Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh Ngọc - Cán bộ TAND thành phố
Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang tham gia phiên
tòa:** Bà Nông Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2017/TLST- DS, ngày 20 tháng 11 năm
2017 về tranh chấp Kiện đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
15/2018/QĐXX-ST ngày 04 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Bùi Thị B**, sinh năm 1973

Địa chỉ: Tổ 13, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang
Vắng mặt.

*** Bị đơn:** Bà **Đào Thị D**, sinh năm 1959

Trú tại: Tổ 13, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Bùi Thị B trình bày:

Ngày 18/7/2009 bà có cho bà Đào Thị D (ở cùng tổ dân phố) vay số tiền
23.000.000đồng (*Hai mươi ba triệu đồng*), lãi suất hai bên tự thỏa thuận, thời hạn trả
tiền là ngày 30/7/2009. Khi vay tiền, bà D có viết giấy vay tiền. Đến hạn trả tiền bà D
không trả tiền cho bà như đã thỏa thuận, bà đã đến đòi tiền nhiều lần và mỗi lần đến
đòi tiền bà D đã thanh toán một ít tiền cho bà. Tính đến ngày 25/4/2010, bà D còn nợ
bà số tiền gốc là 6.400.000đồng (*Sáu triệu bốn trăm nghìn đồng*), bà D đã viết lại giấy
vay tiền cho bà với số tiền 6.400.000đồng (*Sáu triệu bốn trăm nghìn đồng*) và hẹn đến
ngày 08/5/2010 sẽ trả hết tiền, lãi suất 4%. Quá thời hạn thanh toán, bà đã nhiều lần
yêu cầu bà D trả nốt số tiền nợ này nhưng bà D không trả. Vì vậy, bà khởi kiện đến

Tòa án yêu cầu bà D trả cho bà số tiền gốc còn nợ là 6.400.000đồng (*Sáu triệu bốn trăm nghìn đồng*). Bà không yêu cầu bà D phải trả tiền lãi suất của số tiền này.

Bị đơn bà Đào Thị D trình bày:

Do thời gian đã lâu, bà không nhớ chính xác ngày tháng năm, bà có vay tiền của bà Bùi Thị B với số tiền gốc là 10.000.000đồng (*Mười triệu đồng*), bà có viết giấy vay tiền cho bà B, trong giấy vay tiền không ghi lãi suất nhưng thực tế bà đã phải trả tiền lãi cho bà B với lãi suất cao. Trong thời gian vay tiền của bà B, bà đã trả tiền cho bà B làm nhiều lần, mỗi lần trả tiền đều không viết giấy tờ gì cho nhau. Về giấy vay tiền do bà viết cho bà B, gồm có 03 giấy (trong đó, có 01 giấy vay tiền viết với số tiền 10.000.000đồng; 01 giấy vay tiền viết với số tiền 23.000.000đồng và 01 giấy vay tiền viết số tiền 6.400.00đồng). Trong các giấy vay tiền trên, giấy viết vay số tiền 23.000.000đồng không phải tiền thực tế vay mà là tiền lãi cộng lại và viết lại giấy; còn giấy viết vay số tiền 6.400.000đồng là tiền lãi phạt chậm trả. Do bà không hiểu nên đã đồng ý viết các giấy trên. Trong thời gian vay tiền của bà B, bà đã phải bán đất để trả tiền cho bà B. Sau khi bà viết giấy vay tiền cuối cùng (số tiền 6.400.000đồng), bà thấy không đúng nên đã làm đơn tố cáo bà B đến cơ quan Công an tỉnh Tuyên Quang và bà B đã đồng ý không đòi tiền bà nữa (coi như đã trả xong tiền). Bà đề nghị Tòa án thu thập chứng cứ là các tài liệu ở cơ quan Công an tỉnh Tuyên Quang và những người làm chứng (Bà V - tổ 13, phường H; Anh X - Công an phường H và chị Hà H là con gái bà D).

Tòa án đã xác minh bà Nguyễn Thị V (là tổ trưởng tổ 13, phường H từ năm 2005 đến tháng 3 năm 2017), bà V cho biết: Bà có nghe nói bà Đào Thị D vay tiền của bà Bùi Thị B nhưng bà không được chứng kiến trực tiếp việc vay tiền và trả tiền cho nhau như thế nào.

Tòa án cũng đã xác minh tại Công an phường H, thành phố Tuyên Quang kết quả xác minh: Từ năm 2010 đến tháng 8 năm 2018, Công an phường H, thành phố Tuyên Quang không có cán bộ nào tên là X.

Tại biên bản làm việc ngày 29/8/2018, chị Hà H (là con gái bà D) cho biết: Việc vay tiền giữa bà Đào Thị D và bà Bùi Thị B như thế nào chị không biết, sau này chị thấy bà B đến nhà bà D đòi tiền thì chị mới biết. Chị không nhớ chính xác thời gian nào, bà D có bán một mảnh đất để trả tiền cho bà B. Việc viết giấy và tính toán trả tiền gốc và lãi cho nhau chị không tham gia, chị không biết bà D viết bao nhiêu giấy vay tiền cho bà B và đã thanh toán cho nhau những giấy vay tiền nào, ngày hôm đó hai người có trao đổi là trả hết nợ nhưng sau đó lại kiện nhau ra Công an giải quyết, cụ thể việc giải quyết sau này như thế nào chị không biết.

Tòa án cũng đã thu thập tài liệu chứng cứ tại Cơ quan Công an tỉnh Tuyên Quang, gồm các biên bản ghi lời khai của bà Bùi Thị B và bà Đào Thị D; kết luận điều tra số 14/KLĐT-PC45 ngày 16/3/2011 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang, thể hiện: "*Kết quả điều tra xác định, bà Đào Thị D vay của chị Bùi Thị B số tiền 23.000.000đồng, được thể hiện tại giấy vay tiền do bà D viết ngày 18/7/2009 thời hạn vay tiền đến 30/7/2009, lãi suất theo chị B khai do hai bên thỏa thuận 03% một tháng nhưng không thể hiện trong giấy vay tiền. Hàng tháng bà D trả lãi theo thỏa thuận và một phần tiền gốc. Tính đến 25/4/2010 bà D còn nợ chị B số tiền 6.400.000đồng, bà D viết giấy xác nhận số nợ trên vào sổ của chị B hẹn đến ngày*

08/5/2010 trả gốc (lãi suất 4%). Bà D khẳng định là chỉ vay của chị B số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 22/11/2008 và đã trả nhiều lần, đồng thời bị ép viết giấy vay tiền. Tuy nhiên việc vay nợ giữa bà D và chị B không có ai biết, lãi suất không thể hiện trong giấy vay tiền, những nhân chứng mà bà D khẳng định là biết việc trả tiền cho chị B đều khẳng định là không biết việc vay cũng như trả tiền của bà D, không biết việc chị B chặn đường lục túi lấy tiền của bà D, mặt khác bà D cũng không xác định được mức lãi suất chị B đã tính với bà là bao nhiêu do đó không đủ căn cứ xác định việc chị B cho vay nặng lãi, chặn đường lấy tiền của bà D và ép bà D viết giấy vay tiền để chiếm đoạt tài sản của bà D. Trong quá trình làm việc tại Cơ quan điều tra bà Đào Thị D đã đề nghị xin được tự thỏa thuận giải quyết việc vay nợ giữa bà với chị Bùi Thị B".

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà D đến Tòa án làm việc nhưng bà D không đến và nhiều lần Tòa án gửi các văn bản tố tụng cho bà D qua đường bưu điện bằng biện pháp bảo đảm nhưng bà D từ chối không nhận, Tòa án cũng đã phối hợp cùng chính quyền địa phương đến gia đình bà D nhưng bà D không có nhà. Vì vậy, Tòa án không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải được. Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng tại chính quyền địa phương để ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn bà Bùi Thị B vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt) và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bà Đào Thị D trả cho bà số tiền gốc 6.400.000 đồng (Sáu triệu bốn trăm nghìn đồng). Ngoài ra, bà B không có yêu cầu gì khác.

Bà Đào Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, trình tự tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70 và 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị B về việc yêu cầu bà Đào Thị D thanh toán cho bà số tiền gốc 6.400.000 đồng (Sáu triệu bốn trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về pháp luật áp dụng:

Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017, tuy nhiên giao dịch dân sự giữa các bên được thực hiện xong trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực mà có tranh chấp, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật

dân sự năm 2015 (Điều khoản chuyển tiếp) thì pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án là Bộ luật dân sự năm 2005.

[2] Về quan hệ pháp luật:

Ngày 18/7/2009 bà Bùi Thị B cho bà Đào Thị D vay số tiền 23.000.000 đồng (*Hai mươi ba triệu đồng*), lãi suất hai bên tự thỏa thuận, thời hạn trả tiền là ngày 30/7/2009. Khi vay tiền, bà D có viết giấy vay tiền cho bà B. Đến hạn trả tiền bà D không trả tiền cho bà B như đã thỏa thuận. Tính đến ngày 25/4/2010, bà D còn nợ bà B số tiền gốc là 6.400.000 đồng (*Sáu triệu bốn trăm nghìn đồng*), bà D đã viết lại giấy vay tiền cho bà B với số tiền 6.400.000 đồng (*Sáu triệu bốn trăm nghìn đồng*), lãi suất 4% và hẹn đến ngày 08/5/2010 sẽ trả hết tiền. Quá thời hạn thanh toán, bà B đã nhiều lần yêu cầu bà D trả nốt số tiền nợ này nhưng bà D không trả. Vì vậy, bà B khởi kiện đến Tòa án yêu cầu bà D trả cho bà số tiền gốc còn nợ là 6.400.000 đồng (*Sáu triệu bốn trăm nghìn đồng*). Bà B không có yêu cầu về lãi suất của số tiền này. Nhưng bà B có yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu. Như vậy, tính từ ngày quyền và lợi ích của bà B bị xâm phạm (09/5/2010) đến ngày bà B làm đơn khởi kiện đến Tòa án (02/11/2017) là quá 03 năm, theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 (quy định về Thời hiệu khởi kiện về hợp đồng); các Điều 184; 185 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm b, khoản 3 Điều 23 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì yêu cầu khởi kiện về hợp đồng vay tài sản của bà B đã hết thời hiệu, bà B có quyền khởi kiện đòi lại tài sản đối với bà Đào Thị D. Như vậy, quan hệ pháp luật phải giải quyết là kiện đòi tài sản.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

Bà Đào Thị D trình bày có viết giấy vay tiền (số tiền 6.400.000 đồng) của bà Bùi Thị B, bà D cho rằng tại cơ quan Công an tỉnh Tuyên Quang, bà B đã đồng ý không đòi tiền bà nữa, coi như bà đã trả xong tiền cho bà B. Tuy nhiên, các tài liệu, chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập tại cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Tuyên Quang không thể hiện việc bà B đồng ý không đòi tiền bà D nữa mà chính bà D đã đề nghị xin được tự thỏa thuận giải quyết việc vay nợ giữa bà D với bà B. Đối với những chứng cứ khác mà bà D đề nghị Tòa án thu thập (lời khai của bà Nguyễn Thị V, chị Hà H và kết quả xác minh tại Công an phường H), không có căn cứ chứng minh bà D đã thanh toán khoản tiền trên cho bà B. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị B là có căn cứ chấp nhận, buộc bà Đào Thị D phải trả cho bà Bùi Thị B số tiền gốc là 6.400.000 đồng (*Sáu triệu bốn trăm nghìn đồng*). Bà B không yêu cầu bà D phải trả tiền lãi nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Đào Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu của bà Bùi Thị B được Tòa án chấp nhận.

Bà Bùi Thị B không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: - Các Điều 26, 147, 228, 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 256, 257 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị B.

- Buộc bà Đào Thị D có nghĩa vụ thanh toán cho bà Bùi Thị B số tiền 6.400.000 đồng (*Sáu triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí: Buộc bà Đào Thị D phải chịu 320.000 đồng (*Ba trăm hai mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bà Bùi Thị B không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 160.000 đồng (*Một trăm sáu mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số N⁰ 0004958 ngày 20/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND thành phố TQ (2 bản);
- THADS thành phố TQ;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hương Giang

